

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện năm 2022
(từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/5/2022) - Dự án rau an toàn tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 3438/QĐ/UBND ngày 28/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động tổng thể 5 năm (2016-2021) của Dự án Rau an toàn tỉnh Bình Định;

Theo Hợp đồng Dịch vụ kỹ thuật Dự án Rau an toàn tỉnh Bình Định ký ngày 24/6/2016 giữa Viện Nghiên cứu Cây trồng và Thực phẩm New Zealand với Sở Nông nghiệp và PTNT do Chính phủ New Zealand tài trợ;

Theo phụ lục Hợp đồng ngày 26/05/2021 giữa Viện Nghiên cứu Cây trồng và Thực phẩm New Zealand với Sở Nông nghiệp và PTNT về điều chỉnh, bổ sung Hợp đồng dịch vụ kỹ thuật – Dự án rau an toàn từ tháng 06 năm 2021 đến tháng 12 năm 2021;

Căn cứ Văn bản số 7821/UBND-KT ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh về việc kéo dài thời gian thực hiện dự án và hỗ trợ các hoạt động cho nông dân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/5/2022 Dự án Rau an toàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 16/TTr-SNN ngày 17/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch thực hiện dự án năm 2022 (từ ngày 01/01/2021 đến 31/05/2022) của Dự án Rau an toàn tỉnh Bình Định, cụ thể như sau:

- 1. Tên dự án:** Dự án Rau an toàn tỉnh Bình Định.
- 2. Chủ quản dự án:** Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.
- 3. Chủ đầu tư:** Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định.

4. Thời gian thực hiện dự án kéo dài: từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/05/2022.

5. Kế hoạch thực hiện

a) Nội dung hoạt động dự án

- Hoạt động của Câu lạc bộ Rau an toàn và các hoạt động kỹ thuật khác.
- Hoạt động tiếp thị, quảng bá Rau an toàn.
- Quản trị dự án, giám sát và đánh giá.

b) Kinh phí thực hiện: 1.322.271.877 đồng, trong đó:

- Kinh phí chưa sử dụng hết trong kế hoạch thuộc giai đoạn từ 01/06/2021 đến 31/12/2021 chuyển sang là: 1.267.979.170 đồng.
- Kinh phí kết dư từ lãi ngân hàng và đánh giá lại tỷ giá: 54.292.707 đồng.

Đơn vị tính: đồng

TT	Hoạt động	Kinh phí từ NZAP/PFR
I	Hoạt động của Câu lạc bộ Rau an toàn và các hoạt động kỹ thuật khác	836.400.000
II	Hoạt động tiếp thị, quảng bá Rau an toàn	224.000.000
III	Quản trị dự án, giám sát và đánh giá.	261.871.877
	TỔNG CỘNG	1.322.271.877

Nguồn kinh phí: từ nguồn viện trợ không hoàn lại của NZAP/PFR - phần kinh phí chưa sử dụng hết trong kế hoạch thuộc giai đoạn từ 01/06/2021 đến 31/12/2021 chuyển sang và từ nguồn tiền lãi ngân hàng và đánh giá lại tỷ giá.

c. Nhân sự thực hiện:

- Hợp đồng với 03 cán bộ chuyên trách với mức lương và các khoản đóng góp theo lương để đảm nhiệm thực hiện các hoạt động của Dự án từ ngày 01/01/2022 đến 31/05/2022.

- Bố trí 02 Công chức làm nhiệm vụ kiêm nhiệm, tiếp tục Quản lý, chỉ đạo, theo dõi và báo cáo thanh quyết toán trong thời gian kéo dài hoạt động của Dự án với mức phụ cấp quản lý là 30%.

- Nguồn kinh phí chi trả: nguồn viện trợ không hoàn lại của NZAP/PFR – phần kinh phí chưa sử dụng hết trong kế hoạch thuộc giai đoạn từ 01/6/2021 đến 31/12/2021 (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện các nội dung tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Nhà tài trợ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP DA RAT;
- PVPNN;
- Lưu: VT, K10

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục:
DANH SÁCH NHÂN SỰ TIẾP TỤC THAM GIA HOẠT ĐỘNG
DỰ ÁN RAU AN TOÀN TỪ NGÀY 01/01/2022 ĐẾN 31/05/2022
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Cấp bậc, chức vụ	Lương tháng	Các khoản trích nộp/tháng (23,5%)	Tổng lương và các khoản trích nộp hoặc Phụ cấp QLDA/tháng (đồng)	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4
I	Lương hợp đồng				33.760.000	
1	Phạm Tấn Phát	Điều phối viên Dự án	14.000.000		14.000.000	
2	Trần Thị Bảo Châu	CB kế hoạch	9.000.000	2.115.000	11.115.000	
3	Nguyễn Văn Vinh	Lái xe	7.000.000	1.645.000	8.645.000	
II	Phụ cấp quản lý dự án				4.948.290	<i>Kiểm nhiệm</i>
1	Nguyễn Thị Tô Trân (Hệ số lương: 5,42+0,7)	Phó giám đốc Sở - Phụ trách Dự án	9.118.800		2.735.640	Mức chi PCQLDA: 30%
2	Bùi Thị Mỹ Dung (Hệ số lương: 4,65+0,3)	Kế toán trưởng Dự án	7.375.500		2.212.650	Mức chi PCQLDA: 30%
	Tổng cộng				38.708.290	